

ĐIỂM CHUẨN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN NĂM 2018

Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Thái Nguyên là một trong những trường đại học công lập đứng đầu về đào tạo khối ngành kinh tế tại miền bắc Việt Nam, trực thuộc hệ thống Đại học Thái Nguyên, đồng thời là trung tâm nghiên cứu kinh tế học lớn của khu vực miền Bắc.

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Số điện thoại: (84) 280.3647685

Điểm chuẩn trường Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Thái Nguyên (DTE) các ngành năm 2018:

BÁM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-kinh-te-quan-tri-kinh-doanh--dai-hoc-thai-nguyen>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Điểm chuẩn trường Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Thái Nguyên (DTE) năm 2017 như sau

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	B00, D08	---	
2	7310101	Kinh tế	A01; D01	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,00
3	7310104	Kinh tế đầu tư	A00, A01, D01, D10	---	
4	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, C04, D01	---	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; C01; D01	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,00
6	7340115	Marketing	D10	---	
7	7340115	Marketing	A00; C04; D01	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,00
8	7340201	Tài chính – Ngân hàng	C01	---	
9	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; D01; D07	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,00
10	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,01
11	7340403	Quản lý công	A00, A01, C01, D01	---	

12	7380107	Luật kinh tế	A00; C00; D01; D14	15.5	Xét tuyển theo học bạ 18,01
13	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01, C04, D01, D01	---	

Điểm chuẩn trường Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Thái Nguyên năm 2016

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7380107	Luật kinh tế	A00; C00; D01; D14	15	
2	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15	
3	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; D01; D07	15	
4	7340115	Marketing	A00; A01; C04; D01	15	
5	7340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00; A01; C04; D01	15	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; C01; D01	15	
7	7310101	Kinh tế	A01; B03; D01; D07	15	

Chỉ tiêu tuyển sinh Đại Học Kinh Tế & Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Thái Nguyên năm 2018

Ngành/ Chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/ xét tuyển (mã tổ hợp xét tuyển)	Chỉ tiêu	
			Theo điểm thi THPT QG	Theo học bạ THPT
Nhóm ngành III				
1. Quản trị Kinh doanh: - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp; - Quản trị Doanh nghiệp; - Quản trị Kinh doanh Thương mại	7340101	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	140	90
2. Tài chính - Ngân hàng: - Tài chính Doanh nghiệp; - Tài chính Ngân hàng; - Ngân hàng	7340201	A00: Toán, Vật lí, Hóa học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lí	110	70
3. Kế toán: - Kế toán Tổng hợp; - Kế toán Doanh nghiệp; - Kế toán Kiểm toán	7340301	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	230	150
4. Marketing: - Quản trị Marketing;	7340115	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	60	40

- Quản trị Truyền thông Marketing		C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh		
5. Quản lý công: - Quản lý Kinh tế; - Quản lý công	7340403	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	60	40
6. Luật Kinh tế: - Luật Kinh doanh; - Luật Kinh doanh Quốc tế	7380107	A00: Toán, Vật lí, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	90	60
Nhóm ngành VII				
7. Kinh tế: - Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Kinh tế y tế; - Thương mại Quốc tế	7310101	A00: Toán, Vật lí, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	60	40
8. Kinh tế Đầu tư: - Kinh tế đầu tư	7310104	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh	60	40
9. Kinh tế Phát triển: - Kinh tế phát triển	7310105	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh C04: Toán Ngữ văn, Địa lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	35	25
10. Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành: - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch	7810103	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	60	40

		D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh		
Tổng chỉ tiêu			905	595